

Bản án số: **496/2024/HS-PT**
Ngày: 30/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 305/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo Đỗ Văn Y và đồng phạm bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm về tội “*Tham ô tài sản*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 06/5/2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Văn Y, sinh ngày 01/02/1982, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: **thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ T** (chết) và bà **Lê Thị B**; có vợ là **Nguyễn Thị H** và 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Thúc H1, sinh ngày 31/5/1973, tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: **số A đường T, tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn T1** và bà **Hoàng Thị H2**; có vợ là **Tổng Thị H3** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/7/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải”; ngày 15/01/2010, bị **Công an quận L**, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính số tiền 1.150.000 đồng về hành

vi “Cổ ý vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh (thuốc lá điều có xuất xứ từ nước ngoài nhập) và hàng hóa nhập lậu (rượu nguyên chai có xuất xứ từ nước ngoài nhập)”; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. **Trần Văn T2**, sinh ngày 05/10/1989, tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **khối A, phường M, thị xã H, tỉnh Nghệ An**; chỗ ở hiện nay: **K đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa(học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn N** và bà **Lê Thị T3**; có vợ là **Lê Thị G** và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. **Nguyễn Hồng T4**, sinh ngày 26/6/1972, tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; chỗ ở hiện nay: **K đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Đình M** và bà **Tăng Thị Q**; có vợ là **Đặng Thị C** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/3/2017, bị **Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác”; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. **Trần Minh N1**, sinh ngày 10/11/1989, tại Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **khối B, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định**; chỗ ở hiện nay: **K đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Đình P** và bà **Võ Thị T5**; có vợ là **Trần Thị L** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- *Người bào chữa của bị cáo **Trần Minh N1** và bị cáo **Trần Văn T2***: Luật sư **Ngô Văn B1 – Văn phòng L2**; địa chỉ: **Tầng F, tòa nhà T, B N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo **Nguyễn Thúc H1**, **Đỗ Văn Y***: Luật sư **Trần Thị Duy L1 - Công ty L3**; địa chỉ: **B P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo **Nguyễn Hồng T4***: Luật sư **Thái Quốc V**; địa chỉ: **K N, quận H, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2022, Công ty S (địa chỉ: đường số I, bản M, huyện X, tỉnh Sanvannakhet, Lào) ủy quyền và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển số 011122SHA với Công ty TNHH C2 (địa chỉ: tầng I, tòa nhà G, số A, đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; viết tắt là Công ty C2). Theo đó, Công ty C2 là đơn vị làm thủ tục cho các đơn hàng quá cảnh từ nước ngoài về lãnh thổ Việt Nam và vận chuyển qua Lào giao cho Công ty S (trong đó có lô hàng là bìa carton được ép đóng thành khối, quá cảnh tại Việt Nam thông qua Cảng T). Theo nội dung hợp đồng, khi hàng hoá trong quá trình quá cảnh Việt Nam, được vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam mà phát sinh những sự việc liên quan đến pháp luật thì Công ty C2 sẽ đại diện giải quyết cho công ty S.

Ngày 01/02/2023, Công ty C2 ký hợp đồng dịch vụ vận tải số 0112/2023/SHINING-MT với Công ty TNHH T7 (địa chỉ: số G, đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng – viết tắt là Công ty T7) để vận chuyển hàng từ lãnh thổ Việt Nam sang Lào và ngược lại.

Ngày 31/12/2022, Công ty T7 ký hợp đồng số 01/2023/MT-PGP với Công ty TNHH T8 (địa chỉ: số F, đường Y, phường T, quận S, thành phố Đ – viết tắt là Công ty T8) để Công ty T8 vận chuyển hàng hóa theo chỉ định của Công ty T7. Trong quá trình vận chuyển, phát sinh sự việc liên quan đến thất thoát, hư hỏng hàng hoá thì Công ty T8 phải chịu trách nhiệm bồi thường và làm việc với các cơ quan chức năng liên quan.

Ngày 22/03/2023, Công ty P1 quyết định số 001/2023/QĐ/PGP về việc cử nhân viên Đỗ Văn Y (là tài xế có ký hợp đồng lao động với Công ty) quản lý và vận chuyển lô hàng hoá giấy bìa carton trên xe đầu kéo BKS: 43H00846, chở theo thùng container BMOU6268477 đã khoá 02 seal niêm phong (01 seal cối niêm phong dạng bấm màu xanh của Hải quan Việt Nam, ký hiệu HQ/200527776 và 01 seal cối màu xanh, loại seal nhập khẩu có ký hiệu 428094), tổng trọng lượng hàng là 28.790 kg từ cửa khẩu cảng Đ qua Lào giao cho Công ty S CO.LTD.

Khoảng 22 giờ ngày 22/3/2023, Nguyễn Thúc H1 gọi điện cho Đỗ Văn Y hỏi hôm nay có chạy xe đầu kéo không, có muốn làm giấy kiểm tiền hay không (nghĩa là chiếm đoạt các khối giấy bìa carton trong thùng container, bán kiểm tiền tiêu xài cá nhân) thì Y đồng ý, thống nhất với nhau chiếm đoạt 06 kiện hàng trên thùng container BMOU6268477 bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi thống nhất chiếm đoạt tài sản, H1 liên hệ rủ Nguyễn Hồng T4 đến bãi đất trống trong nhà máy C3, đường số D, khu công nghiệp, quận L, thành phố Đà Nẵng để bốc

hàng kiểm tiền thì T4 đồng ý và rủ thêm Trần Văn T2 và Trần Minh N1 lên bãi đất trống trong nhà máy C3, đường số D, khu công nghiệp, quận L, thành phố Đà Nẵng bốc vác hàng hoá kiểm tiền.

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 23/3/2023, T4, T2, N1 có mặt tại điểm hẹn gặp H1, bốn người ngồi cùng với nhau, H1 phân công: sau khi Y chạy xe đến thì N1 cắt 02 seal mở cửa thùng container rồi phụ T2 và T4 lấy các khúc gỗ có sẵn trong bãi để kê các kiện hàng lên có khe hở, H1 lấy xe nâng nhãn hiệu Yale, màu vàng, ký hiệu D871R02980P vận chuyển hàng từ trên Container xuống rồi bơm nước vào số lượng giấy còn lại để đảm bảo số kilogam của C1. Khi nào xong thì N1 dùng keo dán sắt dán lại 02 seal đã cắt thì tất cả đều đồng ý.

Khoảng 00 giờ 20 phút, khi Đỗ Văn Y chạy xe đầu kéo BKS: 43H00846, chở theo thùng Container BMOU6268477 đến dừng tại bãi đất trống trong nhà máy C3, đường số D, khu công nghiệp, quận L, thành phố Đà Nẵng. N1 dùng máy cắt mà H1 mang theo cắt 02 seal (01 seal cối niêm phong dạng bấm màu xanh của Hải quan Việt Nam, ký hiệu HQ/200527776 và 01 seal cối màu xanh, loại seal nhập khẩu có ký hiệu 428094), T4 và T6 mở cửa thùng container, H1 lái xe nâng nhãn hiệu Yale, màu vàng lấy xuống trước một kiện hàng bìa carton để có chỗ trống. T4 và T6 nhặt những cây gỗ vụn tại bãi đất trống, trèo lên thùng Container lót các cây gỗ để nâng các kiện hàng lên cao, H1 điều khiển xe nâng để nhắc các kiện hàng từ thùng Container xuống đất. Khi cả nhóm lấy được 06 kiện hàng thì bị Tổ tuần tra Đồn Công an Khu công nghiệp H4 phát hiện.

* Tang vật tạm giữ: 01 xe nâng nhãn hiệu Yale, màu vàng có ký hiệu D871R02980P; 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu IWASKE, màu xanh, ký hiệu WK3100C; 02 seal niêm phong ký hiệu HQ/20 0527776 và 428094; 06 kiện hàng giấy bìa carton kích thước 1170x110x110 cm, có trọng lượng khác nhau (01 kiện 1.040 kg, 01 kiện 1.210 kg, 01 kiện 950 kg, 01 kiện 990 kg, 01 kiện 1.090 kg, 01 kiện 1.090 kg, 01 kiện 1.270 kg).

Theo Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận L xác định:

- 01 kiện hàng giấy bìa carton kích thước 1170x110x110 cm, trọng lượng 1.040 kg là 3.319.680 đồng;
- 01 kiện hàng giấy bìa carton kích thước 1170x110x110 cm, trọng lượng 1.210 kg là 3.862.320 đồng;
- 01 kiện hàng giấy bìa carton kích thước 1170x110x110 cm, trọng lượng 950 kg là 3.032.400 đồng;

- 01 kiện hàng giấy bìa carton kích thước 1170x110x110 cm, trọng lượng 990 kg là 3.160.080 đồng;
- 01 kiện hàng giấy bìa carton kích thước 1170x110x110 cm, trọng lượng 1.090 kg là 3.479.280 đồng;
- 01 kiện hàng giấy bìa carton kích thước 1170x110x110 cm, trọng lượng 1.270 kg là 4.053.600 đồng;

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt nêu trên là 20.907.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 06/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng:

Tuyên bố: các bị cáo **Đỗ Văn Y**, **Nguyễn Thúc H1**, **Trần Văn T2**, **Nguyễn Hồng T4**, **Trần Minh N1** phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Đỗ Văn Y** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Thúc H1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Hồng T4** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Trần Văn T2** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Căn cứ vào khoản 1, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Trần Minh N1** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2024, bị cáo **Nguyễn Thúc H1** kháng cáo xin được hưởng án treo, vì lý do: trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, thiệt hại gây ra không lớn, đã bồi thường thiệt hại đầy đủ, hiện vợ không có việc làm ổn định, phải nuôi con còn nhỏ; có mẹ là người có công với **N2**.

Ngày 14/5/2024, bị cáo **Đỗ Văn Y** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, vì lý do: trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị hại rút đơn bãi nại; bị cáo đang là lao động chính trong gia đình.

Ngày 17/5/2024, các bị cáo **Trần Minh N1**, **Trần Văn T2** kháng cáo kêu oan, trường hợp Tòa án vẫn kết án các bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 20/5/2024, bị cáo **Nguyễn Hồng T4** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, vì lý do: bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội do các bị cáo khác rủ rê, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, **Công ty T8** có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; bố mẹ của bị cáo là người có công với **N2**; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.
- Luật sư bào chữa cho bị cáo **Đỗ Văn Y**, **Nguyễn Thúc H1** đề nghị xem xét áp dụng cho bị cáo Y thêm các tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo có cha mẹ vợ là người có công với nước, đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; đối với bị cáo **H1** có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có mẹ là người có công với **N2**, bị cáo tích cực tham gia phòng chống dịch Covid; ngoài ra, cả hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt và được hưởng án treo.
- Luật sư bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Hồng T4** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, vợ của bị cáo thường xuyên ốm đau, bản thân là lao động chính trong gia đình, do thiếu hiểu biết, bị rủ rê nên phạm tội, mong Hội đồng xét xử cân nhắc để cho bị cáo được hưởng án treo.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo [Trần Minh N1](#), [Trần Văn T2](#) không có ý kiến gì về phần tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo nhưng các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, bị cáo [T2](#) có cha bị tai biến, bị cáo [N1](#) thuộc hộ nghèo; đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của cả 05 bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08 đến 20/5/2024, bị cáo [Nguyễn Thúc H1](#) kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo [Đỗ Văn Y](#), [Nguyễn Hồng T4](#) kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo; các bị cáo [Trần Minh N1](#), [Trần Văn T2](#) kháng cáo kêu oan, trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử các bị cáo tội “Tham ô tài sản” thì xin được hưởng án treo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Bị cáo [Đỗ Văn Y](#) là tài xế thuộc [Công ty TNHH T8](#) theo Hợp đồng lao động số 02/2023/HĐLĐ, thời hạn hợp đồng là 12 tháng (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023); công việc cụ thể là lái xe chở hàng hóa đến nơi trả hàng theo yêu cầu của lãnh đạo công ty. Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng và hướng dẫn tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn. Ngày 22/3/2023, [Công ty P1](#) quyết định số 001/2023/QĐ/PGP về việc cử [Đỗ Văn Y](#) nhận hàng hóa từ container ký hiệu BMOU6268477 tại [Cảng T](#) từ [Công ty TNHH T7](#), vận chuyển từ [Cảng T](#) đến nhà máy của [Công ty S CO.LTD](#) tại [huyện X, tỉnh Sanvannakhet](#),

Lào. Khi **Nguyễn Thúc H1** gọi điện cho Y hỏi hôm nay có chạy xe đầu kéo hay không, có muốn làm giấy kiểm tiền hay không thì Y hiểu là có chiếm đoạt các khối giấy bìa carton trong thùng container bán kiểm tiền hay không thì Y đồng ý. **H1** liên hệ rủ **Nguyễn Hồng T4**, **T4** rủ thêm **Trần Văn T2**, **Trần Minh N1** lên bãi đất trống trong **nhà máy C3**. Tại đây các bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt 06 kiện hàng giấy bìa carton, tổng giá trị 06 kiện hàng bị chiếm đoạt qua định giá là 20.907.000 đồng.

Với các hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án **Đỗ Văn Y**, **Nguyễn Thúc H1**, **Nguyễn Hồng T4**, **Trần Minh N1**, **Trần Văn T2** về tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến hoạt động kinh doanh đúng đắn của doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nước ngoài, còn ảnh hưởng xấu đến việc môi trường đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài nhất là trong thời điểm các cấp chính quyền Thành phố Đà Nẵng đang có nhiều nỗ lực trong việc quảng bá, thu hút các hoạt động đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài. Hành vi của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến uy tín trong lĩnh vực vận tải hàng hóa quốc tế của nước ta nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm khắc mới cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo **Đỗ Văn Y** được giao nhiệm vụ quản lý và vận chuyển lô hàng hoá giấy bìa carton trên xe đầu kéo BKS: 43H00846, chở theo thùng container BMOU6268477 đã khoá 02 seal niêm phong nhưng khi được **Nguyễn Thúc H1** rủ chiếm đoạt tài sản thì đồng ý rồi điều khiển xe đến vị trí do **H1** chỉ định để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo **Nguyễn Thúc H1** là người chủ động liên hệ bị cáo Y để trao đổi việc chiếm đoạt tài sản, rủ các bị cáo còn lại cùng thực hiện hành vi; chuẩn bị công cụ, phương tiện để phạm tội, hướng dẫn các bị cáo **T4**, **T2**, **N1** cắt seal hải quan, lót các cây gỗ kê các kiện hàng lên cao, **H1** dùng xe nâng hạ kiện giấy xuống đất; bị cáo **H1** là người trả tiền cho các bị cáo còn lại sau khi thực hiện xong việc chiếm đoạt tài sản, đồng thời là người hưởng lợi nhiều nhất nếu vụ việc không bị cơ quan chức năng phát hiện. Do đó, mức độ chịu trách nhiệm hình sự của 02 bị cáo Y, **H1** cao hơn đáng kể so với các bị cáo còn lại.

Các bị cáo **Nguyễn Hồng T4**, **Trần Minh N1**, **Trần Văn T2** chỉ là lao động phổ thông, khi được **H1** liên hệ để làm công việc bốc vác, trả công 300.000 đồng thì

đồng ý. Khi tới điểm hẹn, các bị cáo nhận thức được việc H1 rủ các bị cáo cắt seal mở cửa thùng container để lấy chiếm đoạt các kiện giấy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện theo sự phân công của bị cáo H1. Cụ thể, bị cáo Ngọc C 02 seal mở cửa thùng container rồi phụ T2 và T4 lấy các khúc gỗ có sẵn trong bãi để kê các kiện hàng lên có khe hở, H1 lấy xe nâng nhãn hiệu Yale, màu vàng, ký hiệu D871R02980P vận chuyển hàng từ trên Container xuống rồi bơm nước vào số lượng giấy còn lại để đảm bảo số kilogam của C1, còn N1 dùng keo dán sắt dán lại 02 seal đã cắt. Như vậy, các bị cáo đã tiếp nhận ý chí và giúp sức cho các bị cáo Y, H1 thực hiện hành vi chiếm đoạt các kiện giấy của Công ty T8; hành vi của bị cáo Đỗ Văn Y đã phạm tội “Tham ô tài sản” nên các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự cùng tội danh với Đỗ Văn Y với vai trò là đồng phạm giúp sức. Do đó, kháng cáo kêu oan của các bị cáo Trần Văn T2, Trần Minh N1 là không có căn cứ chấp nhận; tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét 03 bị cáo tham gia thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức không đáng kể.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại; Công ty T8 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Nguyễn Thúc H1, Nguyễn Hồng T4 có cha, mẹ có công với N2; các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, đều là lao động chính trong gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho cả 5 bị cáo là đúng và đầy đủ.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Đỗ Văn Y, Nguyễn Thúc H1, mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng tù, xử phạt các bị cáo Nguyễn Hồng T4, Trần Minh N1, Trần Văn T2, mỗi bị cáo 06 tháng tù về tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, đều ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của cả 05 bị cáo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Đỗ Văn Y, Nguyễn Thúc H1, Nguyễn Hồng T4, Trần Minh N1, Trần Văn T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn Y, **Nguyễn Thúc H1**, **Nguyễn Hồng T4**, **Trần Minh N1**, **Trần Văn T2**; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Đỗ Văn Y **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt **Nguyễn Thúc H1 01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt **Nguyễn Hồng T4 06 (sáu) tháng** tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt **Trần Văn T2 06 (sáu) tháng** tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt **Trần Minh N1 06 (sáu) tháng** tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Đỗ Văn Y, **Nguyễn Thúc H1**, **Nguyễn Hồng T4**, **Trần Minh N1**, **Trần Văn T2**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Công